

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1450/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/10/2017

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Thọ Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Ông Bùi Quang Việt

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2016/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2016 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 864/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông L, sinh năm: 1980

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà H:

Ngày 28 tháng 11 năm 2007, bà và ông L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào sổ đăng ký số 3869 quyển số 15 ngày 30 tháng 11 năm 2007.

Sau khi kết hôn, ông L trở về Mỹ sinh sống và làm việc, bà thì vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu xa cách bà và ông có liên lạc với nhau qua điện thoại. Từ năm 2009 đến hiện nay bà và ông L không gặp mặt và không liên lạc với

nhau. Sau đó hai bên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống riêng.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông L đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà H đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông L hiện đang cư trú và làm việc tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 27/10/2017 nhưng bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 17/10/2017.

Đối với ông L, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông L, sinh năm 1980 tại địa chỉ 1660 M 4th Street Suite H Laramie WY 8207 USA theo văn bản số 973/TTTPDS-TA ngày 06 tháng 9 năm 2016 gửi Bộ Tư pháp. Ngày 13 tháng 12 năm 2016 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản của Bộ Tư pháp số 5705/BTP-PLQT ngày 25 tháng 11 năm 2016 về việc đã thực hiện ủy thác tư pháp đối với ông L. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm lần 2 ngày 28 tháng 7 năm

2017 ông L không đến Tòa án cũng không có văn bản trả lời, không có đơn xin xét xử vắng mặt được cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ xác nhận chữ ký hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có gửi văn bản số 711/TATP-TGĐVNCTN gửi Bộ Tư pháp về việc đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với ông L, sinh năm 1980, quốc tịch Hoa Kỳ tại địa chỉ 1660 M 4th Street Suite H Laramie WY 82072, USA.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản số 2190/BTP-PLQT ngày 30/6/2017 của Bộ tư pháp về kết quả thực hiện ủy thác đối với ông L về việc đã gửi thông báo cho đương sự và niêm yết hồ sơ tại trụ sở Tổng lãnh sự quán tuy nhiên cho đến nay đương sự không có hồi âm hoặc đến Tổng lãnh sự quán nhận hồ sơ tổng đạt.

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/11/2007 vào sổ đăng ký kết hôn số 3869 quyển số 15 ngày 30/11/2007 cấp cho bà H và ông L thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Theo như bà H trình bày, thì sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung do bất đồng về quan điểm, lối sống hàng ngày. Sau khi kết hôn, ông L trở về Mỹ sinh sống và làm việc từ khi ông qua Mỹ đến nay thì ông không về Việt Nam thăm gia đình hay liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ năm 2009 đến nay, bà và ông L không còn liên lạc và tự mình chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hoàn cảnh vợ chồng xa cách lại không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không có nên không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Về phía ông L, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo đúng thủ tục luật định nhưng ông Thanh vẫn không có hồi báo. Điều này cũng chứng tỏ ông L không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống. Do đó bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông L là có căn cứ để chấp nhận để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng sau này.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà H.

Quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông L.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H chịu 200.000 đồng được miễn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí số 03203 ngày 23/3/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà H nhận tổng đạt hợp lệ bản án. Đối với ông L thời hạn kháng cáo bản án là 01(một) tháng kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên

